

Số: 1223/TTr-UBND

Quảng Trị, ngày 22 tháng 4 năm 2014

TỜ TRÌNH

Về việc xin điều chỉnh đề án “Quy hoạch phát triển ngành
nông nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Ngày 17 tháng 4 năm 2014, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 1186/TTr-UBND về việc đề nghị thông qua đề án Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp đến năm 2020.

Căn cứ ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách - Hội đồng nhân dân tỉnh về đề án “Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp đến năm 2020”; Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh đề án với những nội dung như sau:

Tên đề án “Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025”.

1. Mục tiêu phát triển

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất giai đoạn 2020-2025 là 3,5-4,0%/năm. GDP bình quân đầu người đến năm 2025 tăng hơn 2 lần so với năm 2020.

- Phân đầu đến năm 2025 cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp là: Nông nghiệp 60%, lâm nghiệp 8% và thủy sản 32%.

- Chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp, từng bước hoàn chỉnh các hệ thống thủy lợi, góp phần phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng để tổ chức sản xuất nông nghiệp thắng lợi.

a. Mục tiêu chung đến năm 2025

TT	Hạng mục	ĐVT	Năm 2020	Tầm nhìn năm 2025
1	Tốc độ tăng trưởng GTSX bq/năm	%	3,5-4,0	3,5-4,0
2	Cơ cấu ngành nông-lâm-thủy sản	%	100,0	100,0
a	Nông nghiệp	%	64,0	60,0
-	Trồng trọt	%	57,5	52,2
-	Chăn nuôi	%	35,1	40,0
-	Dịch vụ nông nghiệp	%	7,4	7,8
b	Lâm nghiệp	%	6,0	8,0
c	Thủy sản	%	30,0	32,0

b. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

T T	Hạng mục	DVT	Năm 2020	Tầm nhìn năm 2025
I	TRỒNG TRỌT			
1	Diện tích cây LT có hạt	ha	51.500	53.000
2	Sản lượng lương thực có hạt	tấn	265.518	298.850
3	Diện tích lúa gieo trồng cả năm	ha	45.500	45.000
	Trong đó: Lúa 2 vụ	ha	44.000	44.000
4	Diện tích lúa chất lượng cao	ha	34.500	34.500
5	Ngô	ha	6.000	8.000
6	Diện tích rau đậu	ha	10.000	10.000
7	Diện tích cây lạc	ha	6.000	6.000
8	Diện tích cây CN lâu năm			
	+ Hồ tiêu	ha	2.650	3.000
	+ Cao su	ha	27.000	27.000
	+ Cà phê	ha	5.600	6.000
	+ Cây ăn quả	ha	8.000	9.000
II	CHĂN NUÔI			
1	Tổng đàn trâu	1000 con	26-27	27,0
2	Tổng đàn bò	1000 con	55-60	60-65
3	Tổng đàn lợn	1000 con	250-260	265-270
4	Tổng đàn gia cầm	triệu con	2,0-2,2	2,4-2,5
5	Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng	tấn	54.000	58-60.000
II I	LÂM NGHIỆP			
1	Trồng mới rừng tập trung	ha/năm	5500-6000	5500-6000
2	Khoanh nuôi TS rừng tự nhiên	ha/năm	1.000	1.000
3	Bảo vệ rừng tự nhiên	ha/năm	22.500	22.500
4	DT rừng được cấp chứng chỉ FSC	ha	42.000	45.000
5	Tỷ lệ che phủ rừng	%	50,0	50,0
IV	THỦY SẢN			
1	Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	4.000	4.500
2	Tổng sản lượng thủy sản	tấn	38.000	40.000
V	THỦY LỢI			
	Diện tích tưới tiêu chủ động	%	85,0	85,0

2. Tầm nhìn đến 2025

Phân đầu tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp thời kỳ 2020-2025 đạt bình quân 3,5 – 4,0%/năm.

- Phát triển toàn diện theo hướng nông nghiệp sạch, bền vững bằng việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, phương pháp canh tác có tỷ lệ cơ giới hóa cao từ khâu làm đất đến thu hoạch trên cơ sở hình thành

các vùng sản xuất hàng hóa lớn, tập trung bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Trong đó:

+ Tăng diện tích vùng lúa chất lượng cao lên khoảng 34.500 ha vào năm 2025; bảo đảm an ninh lương thực trước mắt và lâu dài;

+ Tiếp tục phát triển mạnh các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như cao su, cà phê, hồ tiêu. Hình thành một số vùng sản xuất lớn, tập trung, chuyên canh các loại cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên (đất đai, khí hậu) của từng vùng và nhu cầu thị trường;

+ Tăng tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 35-40% vào năm 2020 và khoảng trên 40% vào năm 2025. Trọng tâm là nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm theo hướng tăng trọng, thông qua mô hình chăn nuôi trang trại tập trung và hộ gia đình. Phát triển chăn nuôi bảo đảm phát huy lợi thế từng vùng và an toàn dịch bệnh;

- Bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, chất lượng độ che phủ hợp lý; kết hợp trồng rừng với phát triển chăn nuôi để khai thác, sử dụng có hiệu quả đất trống, đồi núi trọc. Phấn đấu mỗi năm trồng mới trên 5.500 ha rừng tập trung. Chú trọng phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông, Bắc Hương Hóa và rừng cảnh quan sinh thái dọc đường Hồ Chí Minh;

- Phát triển thủy sản trở thành ngành kinh tế mạnh, chiếm 32% giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp vào năm 2025. Khai thác thế mạnh về kinh tế biển, chú trọng phát triển nuôi trồng, khai thác xa bờ, lầy công nghiệp chế biến làm động lực; tổ chức tốt các dịch vụ hậu cần nghề cá, nhất là các loại hình dịch vụ trên biển để giảm chi phí sản xuất; phát triển thủy, hải sản gắn với du lịch, công nghiệp ven biển và bảo vệ tốt nguồn lợi thủy sản. Phấn đấu sản lượng thủy sản vào năm 2020 đạt khoảng 38 nghìn tấn, năm 2025 đạt khoảng 40 nghìn tấn;

- Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng hiện đại, phù hợp với bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới, bảo đảm cho người dân nông thôn tiếp cận tốt các dịch vụ xã hội và phúc lợi công cộng. Đổi mới và phát triển các loại hình kinh tế nông thôn, củng cố và phát triển kinh tế hợp tác.

2.1. Trồng trọt.

2.1.1. Tiếp tục đầu tư phát triển theo chiều sâu ngành hàng có khả năng cạnh tranh.

- Lúa gạo: Dự kiến đất lúa cả năm đến năm 2025 là 45 ngàn ha, trong đó đất trồng lúa hai vụ giữ ổn định 44 ngàn ha. Tổng sản lượng lúa 270 ngàn tấn. Giữ ổn định diện tích lúa chất lượng cao 34,5 ngàn tấn.

- Tiếp tục phát triển mạnh các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như cao su (27 ngàn ha), cà phê (6 ngàn ha), hồ tiêu (3 ngàn ha).

2.1.2. Đối với các ngành hàng tiêu thụ trong nước và thay thế nhập khẩu.

- Ngô: Định hướng năm 2025 sản xuất đáp ứng 45– 50% nhu cầu ngô cho phát triển chăn nuôi trong tỉnh, hạn chế nhập khẩu, diện tích phần đầu đến năm 2025 ổn định ở mức 8 ngàn ha, sản lượng 25,6 ngàn tấn.

- Lạc: Diện tích đến năm 2025 ổn định 6 ngàn ha, thâm canh tăng năng suất để sản lượng lên 14,5 ngàn tấn.

- Rau đậu các loại: Định hướng đến năm 2025 ổn định diện tích rau đậu 10 ngàn ha, một mặt đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh, mặt khác phát triển theo hướng an toàn chất lượng cao.

- Cây ăn quả: Xây dựng các vùng sản xuất cây ăn quả hàng hóa an toàn, gắn với chế biến nhằm tăng giá trị hàng hóa và sức cạnh tranh cao trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Dự kiến diện tích ổn định khoảng 9 ngàn ha, căn cứ vào quỹ đất và thị trường tiêu thụ, sản lượng 140 ngàn tấn.

2.2. Chăn nuôi.

Phần đầu đưa tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản lượng nông nghiệp đạt trên 40% vào năm 2025. Đàn trâu giữ ổn định 27 ngàn con, đàn bò dự kiến 60-65 ngàn con, nâng cao thể trọng, tầm vóc và chất lượng thịt. Đàn lợn 265 ngàn con, gia cầm 2,4 triệu con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng 58-60 ngàn tấn.

2.3. Lâm nghiệp.

Định hướng 2020 - 2025 là đẩy mạnh bảo vệ, phát triển rừng một cách đồng bộ nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao giá trị của rừng, đảm bảo ổn định độ che phủ rừng 50%.

Quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng FSC trên địa bàn tỉnh, phần đầu diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC năm 2025 đạt trên 45 ngàn ha. Đưa các giống mới và áp dụng các biện pháp kỹ thuật trồng rừng tiên bộ đạt năng suất cao, nhất là phát triển cây gỗ lớn, hình thành các vùng rừng nguyên liệu tập trung để cung cấp nguyên liệu cho chế biến gỗ và lâm sản.

2.4. Thủy sản.

Tiếp tục khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế để phát triển thủy sản theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó; Tổ chức lại sản xuất khai thác hải sản trên biển, trên cơ sở cơ cấu lại tàu thuyền, nghề nghiệp phù hợp với các vùng biển, tuyến biển, với môi trường tự nhiên, nguồn lợi hải sản. Phát triển ngành cơ khí đóng, sửa tàu cá, chuyển nhanh các tàu cá vỏ gỗ sang vỏ thép, vật liệu mới..., phát triển công nghiệp phụ trợ gắn với đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa các cảng cá, bến cá, các khu neo đậu tránh trú bão, các khu hậu cần dịch vụ nghề cá ven biển và trên đảo Cồn Cỏ.

Cải tạo và hình thành các vùng nuôi thủy sản tập trung theo tiêu chuẩn GAP phù hợp với từng thị trường, tạo sản lượng hàng hóa lớn phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, đồng thời gắn với xây dựng thương hiệu thủy sản uy tín, chất lượng cao.

Tổng sản lượng thủy sản 40 ngàn tấn, kim ngạch xuất khẩu 15 triệu USD, GDP thủy sản chiếm 32% trong cơ cấu giá trị sản xuất nông lâm thủy sản.

2.5. Thủy lợi.

- Tưới, tiêu chủ động cho 85% diện tích đất canh tác lúa, mở rộng diện tích tưới cho cây màu, cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

- Cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp với tần suất đảm bảo từ P=75% lên P=85%.

- Đảm bảo tiêu thoát nước phục vụ sản xuất với tần suất P=10%.

- Ngăn mặn và chống lũ triều mặn, lũ sớm cho 13.500 ha.

- Cấp và tạo nguồn cấp nước phục vụ cho dân sinh và các ngành kinh tế khác.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét bổ sung và ban hành Nghị quyết để thực hiện ./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chánh, các PVP;
- Lưu: VT, NN.



Nguyễn Đức Cường